

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HS-ST
Ngày: 20/4/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS - TỈNH AG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn H

2. Ông Huỳnh Văn T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Kh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc S - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-ST ngày 11 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp Tân Hiệp A, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1972; anh chị em ruột có ba người, bị cáo là người thứ hai; Sống chung như vợ chồng với Danh Thị PL, sinh năm 1977; Không có con.

Tiền án: Ngày 03/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện TS xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp T sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đến ngày 25/7/2021 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/10/2021 đến ngày 04/11/2021 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp Sơn H, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Danh Thị PL, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp Tân Hiệp B, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh AG (có mặt).

Người làm chứng:

1/ Ông Nguyễn Tấn T (Lời), sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Sơn H, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt).

2/ Ông Dương Quốc Tr, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp Sơn H, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt).

3/ Ông Đặng Xuân Th, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Sơn H, xã VĐ, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/10/2021, sau khi uống rượu Lỏ không rõ họ, địa chỉ rủ và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Air Blade, biển số 65D1-472.40 chở Trần Văn T đi tìm T sản để lấy trộm. Khi đi qua nhà Nguyễn Tấn T ở ấp Sơn H, xã VĐ, huyện TS thấy bên ngoài hàng rào cặp hông nhà có dựng chiếc xe mô tô của anh Phạm Minh T biển số 67H9-5826, nhưng không thấy người trông giữ. Lợi dụng điều kiện này, Lỏ dừng xe cho T đến lấy xe dẫn ra lộ nhựa thì Tấn T nghe tiếng chó sủa trước sân nên đi ra xem, phát hiện xe mô tô của Minh T bị Trần Văn T, dẫn khỏi vị trí dựng xe ban đầu khoảng 05 mét, cùng lúc này, Dương Quốc Tr pha đèn pin đi bộ đến, thì Trần Văn T biết hành vi bị phát hiện nên bỏ lại xe mô tô chạy bộ về hướng xã An Bình khoảng 30 mét thì bị các anh Dương Quốc Tr, Minh T và Tấn T tri hô đuổi theo, T nhảy xuống kênh lợi lên bờ bên xã Vọng Thê thì bị bắt giữ giao cho Công an xã VĐ lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 67H9 - 5826, nhãn hiệu: Honda wave, số máy HC08E0234392, số khung Y234311;

- 01 áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu tím - trắng - xanh - đỏ và 01 quần sọt ngắn màu xanh - đen, lưng quần màu đỏ - đen.

Tại bản kết luận định giá T sản số 102/KL-HĐGTS ngày 01/11/2021 của Hội đồng định giá T sản trong tổ tụng hình sự huyện TS, kết luận: Xe mô tô biển số 67H9-5826, nhãn hiệu: Honda wave; dung tích xi lanh: 97cm³, màu sơn: đỏ, số máy HC08E0234392, số khung Y234311, trị giá 13.600.000 đồng.

Ngày 13/11/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS đã trao trả xe mô tô biển số 67H9 - 5826 cho anh Phạm Minh T.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá T sản và các T liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại anh Phạm Minh T, trình bày việc anh bị mất xe mô tô 67H9-5826 như nội dung vụ án đã nêu. Anh T đã nhận lại T sản nên không yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu xử lý T theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Danh Thị PL trình bày: Năm 2019, PL sống chung như vợ chồng với T và có mua xe mô tô biển số 65D1-472.40 của Nguyễn Thế Lâm và lập tờ mua bán viết tay, đến nay chưa sang tên chủ sở hữu. Tối ngày 26/10/2021, T mượn xe đi mua gà, sau đó PL được Công an mời làm việc mới biết T cùng Lỏ không xác định họ, địa chỉ S dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm. PL không yêu cầu Lỏ bồi thường xe mô tô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã Sa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 01 năm tù đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại nhận lại T sản và không yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này có người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sau khi vụ án xảy ra người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các biên bản hoạt động tố tụng. Ngoài ra còn phù hợp với các chứng cứ, T liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy có đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ ngày 26/10/2021, do muốn có tiền tiêu xài, Trần Văn T đã lén lút lấy trộm xe mô tô biển số 67H9-5826 của anh Phạm Minh T, trị giá T sản là 13.600.000 đồng. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS truy tố bị cáo về tội danh, Điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét thấy, bị cáo Trần Văn T là người đã Tr thành, có sức khỏe nhưng không chịu lo lao động để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình và xã hội, ngược lại vì tham lam tư lợi muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động vất vả nên dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo biết trộm cắp T sản người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện; điều này thể hiện bị cáo là người rất xem thường pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về T sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân vì phải thường xuyên đề cao cảnh giác. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Vào ngày 03/3/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện TS xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo xuất thân thành phần lao động, học vấn thấp; hiểu biết pháp luật hạn chế, T sản bị hại mất đã được thu hồi; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải;

[6] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại nhận lại T sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu tím-trắng-xanh-đỏ;
- 01 quần sọt ngắn màu xanh-đen, lưng quần màu đỏ đen.

Các T sản này không liên quan vụ án, nhưng không còn giá trị S dụng nên cần tuyên bố tịch thu tiêu hủy.

[7] Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được Sa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 10 năm 2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý theo quy định pháp luật

Tuyên bố tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi tay dài, sọc ca rô màu tím-trắng-xanh-đỏ; 01 quần sọt ngắn màu xanh - đen, lưng quần màu đỏ đen.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKSTS ngày 10/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- Sở Tư pháp AG;
- VKSND huyện TS;
- Cơ quan điều tra CA huyện TS;
- Cơ quan THA hình sự huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Bị cáo, bị hại, đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Văn Tr**